

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

Việc thờ cúng bách thần thời các chúa Nguyễn

VÕ PHƯƠNG LAN^(*)

Năm 1558, đời vua Lê Anh Tông triều Lê Trung Hưng, Đoàn quận công Nguyễn Hoàng được Trịnh Kiểm phái vào trấn đất Thuận Hoá. Trong khi chúa Trịnh ở Miền Bắc lo đối phó với họ Mạc, thì họ Nguyễn ở phương Nam đã dần dần lớn mạnh, trở nên một thế lực cát cứ mới. Trong hai thế kỷ rưỡi, họ Nguyễn Đàng Trong, với 9 đời chúa, đã đưa lưu dân Việt tiến về Nam, mở rộng lãnh thổ Đại Việt đến tận cực nam Nam Bộ, làm nên cuộc di dân mở đất lâu dài nhất và vĩ đại nhất trong lịch sử. Trong cuộc Nam tiến, dân Việt đã mang theo thần linh của mình, gặt gỡ và tiếp nhận những thần linh trên vùng đất mới. Bài viết này bước đầu tìm hiểu thái độ ứng xử của các chúa Nguyễn với thế giới bách thần.

1. Việc tổ chức tế lễ bách thần

Năm 1614, Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) vừa lên ngôi đã tiến hành cải cách hành chính. Chúa bỏ cơ cấu hành chính cũ được nhà Lê đặt ra trước đó để thiết lập bộ máy riêng của mình. Từ quan niệm vua nhận Thiên mệnh với quyền lực thế tục là cai trị dân chúng, quyền lực trong cõi thiêng là giám quản thần linh, các chúa Nguyễn đã nhận lấy trách nhiệm đó ở xứ Đàng Trong.

“Giáp Dần (1614), bắt đầu đặt Tam ti: Xá Sai (coi việc văn án từ tụng) do Đô tri và Kí lục giữ; Tướng Thần (coi việc trưng thu tiền thóc, phát lương cho quân các đạo do Cai bạ giữ); Lệnh Sử (coi việc tế

tự, lễ tiết và chi cấp lương cho quân đội ở Chính dinh) do Nha úy giữ”⁽¹⁾.

Nhiệm vụ chính của Lệnh Sử ti là cơ quan cấp trung ương coi về tế tự, lễ tiết... Có thể coi đó là Bộ Lễ (trong một hình thức đơn giản) mà một trong những nhiệm vụ của nó là coi sóc về lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo. Ngoài ra, tại các phủ, huyện có chức Huấn đạo, Lễ sinh coi việc tế tự miếu Văn thánh và các linh từ.

Như vậy, xứ Đàng Trong từ đời Chúa Sãi, từ trung ương đến cấp cơ sở đều có cơ quan của chính quyền coi sóc việc tế tự các thần linh. Nói cách khác, hệ thống thần linh thời các chúa Nguyễn, xét ở mức độ nào đó, đã được chính quyền giám quản.

Sách *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* (ĐNTLTB) đã ghi lại những ứng xử của các chúa Nguyễn về tín ngưỡng tâm linh mỗi khi xảy ra thiên biến, thiên tai:

“Tân Tị (1641), tháng 5, trời hạn, lúa khô héo, mỗi đấu gạo trị giá 60 đồng tiền, dân chết đói nhiều. Chúa trai giới khấn thần, rồi được mưa, mùa lại được. Trăm họ đều yên nghiệp làm ăn”⁽²⁾.

“Đinh Mùi (1667), mùa đông tháng 10, ở kinh kì bị nạn châu chấu. Chúa sai dựng đàn làm lễ nương trừ. Châu chấu ủa xuống biển chết. Mùa lại được to”⁽³⁾.

*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên*, Tập I, tr.47.

2. Sđd, tr.72.

3. Sđd, tr.111.

“Mậu Thân (1668), mùa đông, đại hạn. Chúa sai đảo vũ, được một tuần thì mưa to”⁽⁴⁾.

“Canh Tuất (1670), tháng 6, núi Ngọc Trản (Hòn Chén) lở, dài 6, 7 trượng, rộng 7 thước. Chúa sai quan cầu đảo.

Tháng 9, ngày Nhâm Thân, có khí lạ hiện ra ở phương Thân (tây nam) dài như tấm lụa, sắc đỏ vàng, sáng thâu đêm, đến tháng 12 mới tắt. Bấy giờ, những tai dị thường hiện ra luôn, người ta bàn tán phân vân bất nhất. Chúa nói rằng: “Ta nên lấy tai dị làm lo, chỉ nghĩ xét mình sửa đức để ngăn thôi”⁽⁵⁾.

“Bính Thìn (1676)... Bệnh dịch phát, quân và dân chết rất nhiều. Chúa sai sửa lễ cầu đảo các thần kì mới yên”⁽⁶⁾.

“Ất Sửu (1685), tháng 12, núi Lương Phước lở, sai quan cầu đảo.

Cuối đời chúa Hiền, nhiều thiên biến và thiên tai... tuy nhiên chúa lo sửa sang chính sự nên trong cõi vô sự...”⁽⁷⁾.

Năm 1672, đời Chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần), là một dấu mốc quan trọng sự thăng tiến của chính quyền Đàng Trong. Sau 45 năm chiến tranh, với 7 trận chiến lớn bất phân thắng bại, năm 1672, hai họ Trịnh - Nguyễn đình chiến, lấy sông Linh Giang làm ranh giới. Điều này cho thấy, lực lượng quân sự của chúa Nguyễn đã lớn mạnh, gần đạt được thế cân bằng với họ Trịnh ở Bắc Hà. Cuộc đình chiến là sự thừa nhận của chính quyền họ Trịnh Đàng Ngoài đối với uy quyền của chúa Nguyễn trên lãnh thổ Đàng Trong. Từ đó, Đàng Trong tuy danh nghĩa thuần phục vua Lê, nhưng trên thực tế đã phát triển như một quốc gia độc lập.

Tương ứng với sự thăng tiến vị thế chính quyền về mặt thế tục, vị thế trong cõi thiêng của chúa Nguyễn cũng có sự nâng cấp. Ứng xử như một ông vua, chúa Nguyễn lần đầu tiên tế cáo trời đất, tôn miếu, gia phong hàng loạt linh thần trong cõi: “Quý Sửu (1673), chúa ngự về phủ Kim Long, tế cáo trời đất tôn miếu,

gia phong các vị linh thần, mở tiệc lớn khao tướng sĩ, định công khen thưởng theo thứ bậc. Miễn 3 năm tô thuế cho nhân dân châu Bố Chính và dân ở ngoài lũy. Lại miễn thuế Thường tân cho 2 huyện Khang Lộc và Lệ Thủy. Trăm họ ai cũng vui mừng”⁽⁸⁾.

Đến thời điểm này, ở một mức độ nhất định, các chúa Nguyễn đã là “Con Trời” (cấp địa phương) và là vị chủ tể của bách thần trong cõi. Từ năm 1672 trở đi, mỗi khi lên ngôi hay có kì đại khánh, cùng với việc gia ân đại xá thiên hạ, các chúa Nguyễn đều gia phong cho hàng loạt linh thần. ĐNLTB ghi:

“Năm 1687, chúa Nghĩa lên ngôi.

Mùa hạ tháng 4, phong sắc cho các vị linh thần”⁽⁹⁾.

“Kỷ Tị (1689), mùa hạ tháng 6, chúa coi châu (bấy giờ việc quốc hiệu đã xong, làm lễ mừng)... Gia phong các vị thần linh trong cõi”⁽¹⁰⁾.

“Mùa đông tháng 11, trời hạn, cầu đảo các đền thần, hơn tuần cũng chẳng được mưa. Chúa bèn sai các đội thuyền bơi đua. Chúa ngự một chiếc thuyền con không che tàn lọng gì hết, đứng giữa trời thăm khẩn. Ngày mai mưa xuống như trút. Chúa đứng giữa mưa, trông lên trời mà vái, áo bào ướt hết. Xa giá trở về, chúa sai các quan sửa lễ để tạ các đền thiêng. Năm ấy lúa má được mùa, xa gần vui vẻ”⁽¹¹⁾.

Chúa Minh lên ngôi năm 1691, tự tấn phong tước công, từ đấy sắc lệnh đều xưng là Quốc chúa.

“Tháng 3, phong các vị thần trong cõi”⁽¹²⁾.

4. Sđd, tr.112.

5. Sđd, tr.114.

6. Sđd, tr.128.

7. Sđd, tr.130.

8. Sđd, tr.121.

9. Sđd, tr.132.

10. Sđd, tr.140.

11. Sđd, tr.141.

12. Sđd, tr.145.

“Quý Dậu 2 (1693), mùa xuân... Ngày Ất Mão, chúa coi châu (việc quốc hiệu đã xong, làm lễ mừng) bầy tôi đến mừng, tấn tôn chúa làm Thái phó quốc công, lại dâng tôn hiệu là Quốc chúa... Gia phong các linh thần trong cõi”⁽¹³⁾.

Từ đời Chúa Tiên (Nguyễn Hoàng), đã có sự ban phong, lập miếu thờ thần, nữ thần sông Ái Tử là một ví dụ. Nhưng phải từ năm 1672 trở đi, sự gia phong đồng loạt cho các linh thần trong các dịp đại khánh của chính quyền mới thực sự rõ rệt. Thần linh được gia phong có hai bậc: thần linh của triều đình được tế tự ở cấp quốc gia và thần linh các địa phương thờ phụng, được sắc phong thể theo ý nguyện của dân và thỏa mãn những tiêu chí nhất định của chính quyền. Dưới đây là một số vị thần linh tiêu biểu được triều đình tế tự cấp quốc gia và những thần linh được nhân dân các địa phương thờ phụng dưới thời các chúa Nguyễn.

2. Thờ cúng các vị nữ thần

Cuộc gặp gỡ đầu tiên với thần linh là cuộc gặp của Nguyễn Hoàng với nữ thần sông Ái Tử đã đem lại một chiến thắng về mặt quân sự. Sách ĐNLTB ghi lại sự kiện này khá chi tiết:

“Nhâm Thân (1572)... Mùa thu tháng 7, tướng Mạc là Lập Bạo (không rõ họ, tự xưng là quận công) lấy người ở châu bắc Bố Chính dẫn đường đem 60 binh thuyền vượt biển vào đánh cướp, đóng trại từ con đường xã Hồ Xá đến đê Thanh Tương xã Lăng Uyển. Thế giặc đương mạnh. Chúa đem quân chống giữ, đóng ở sông Ái Tử, đêm nghe từ ở lòng sông có tiếng kêu “trao trao”, lấy làm lạ, khẩn rằng: “Thần sông có thiêng thì giúp ta đánh giặc”. Đêm ấy, chúa ngủ mộng thấy một người đàn bà mặc áo xanh, tay cầm quạt the, đến trước trình rằng: “Minh công muốn trừ giặc thì nên dùng mĩ kế dụ đến bãi cát, thiếp xin giúp sức!”. Tỉnh dậy, chúa ngẫm nghĩ rằng: “Người đàn bà trong mộng báo ta nên dùng “mĩ kế”, phải

chẳng là dùng kế mĩ nhân?”. Trong đám thị nữ có Ngô thị (tên gọi là Ngọc Lâm, người làng Thế Lại, có tên nữa là Thị Trà) có sắc đẹp và mưu cơ biện bác. Chúa sai nàng đem vàng lụa đi dụ Lập Bạo tới chỗ sông có tiếng kêu “trao trao” để giết. Ngô thị đến trại Lập Bạo nói rằng: “Chúa công thiếp nghe tin tướng quân ở xa đến, cho thiếp mang quà mọn đến để cùng giảng hoà, đừng đánh nhau nữa”. Lập Bạo thích sắc đẹp của Ngô thị, nhưng giả cách giận, nói rằng: “Người lại đây làm mối dũ ta chẳng?” Ngô thị uyển chuyển thưa gửi, Lập Bạo liền tin và giữ lại trong trướng. Ngô thị nhân đấy, mời Lập Bạo đến bờ sông để cùng chúa họp thề, Lập Bạo nghe lời. Ngô thị đem việc ấy mật báo trước. Chúa lập tức dựng một ngôi đền tranh ở bên sông, chỗ có tiếng kêu “trao trao”, để làm nơi họp thề và đào hầm đặt phục binh. Đến hẹn, Lập Bạo cùng Ngô thị ngồi thuyền nhỏ, chỉ vài chục người theo hầu. Khi đến bến, thấy dưới cờ chúa cũng chỉ có vài chục người thôi, Lập Bạo thản nhiên không ngờ, bèn lên bờ thông thả bước đến cửa đền. Thành linh phục binh nổi dậy, Lập Bạo sợ chạy xuống thuyền, thuyền đã xa bãi rồi, Lập Bạo nhảy theo, rơi xuống nước, quân ta bắn chết ngay, rồi thừa thắng tiến đến trại Thanh Tương. Gió to nổi lên, thuyền giặc đắm hết. Quân giặc đem nhau đầu hàng, chúa cho ở đất Cồn Tiên (tổng Bái Ân, nay gần Cửa Tùng) đặt làm 36 phường. Chúa đem quân về, thưởng công cho Ngô thị, gọi phó đoàn sự vệ Thiên Võ là Vũ Doãn Trung gả cho. Lại phong thần sông làm “Trảo Trảo Linh Thu Phổ Trạch Tướng Hựu Phu Nhân” và lập đền thờ”⁽¹⁴⁾.

Vị nữ thần thứ hai đặc biệt quan trọng đối với Nguyễn Hoàng là một Bà Trời (Thiên Mụ) xuất hiện khi ông bắt đầu có mưu đồ cát cứ phương Nam. Về sự kiện này, ĐNLTB ghi:

“Tân Sửu (1601), bắt đầu dựng chùa

13. Sđd, tr.147.

14. Sđd, tr.34- 36.

Thiên Mục. Bấy giờ chúa đạo xem hình thế núi sông, thấy trên cánh đồng bằng ở xã Hà Khê (thuộc Hương Trà) nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay lại, phía trước thì nhìn ra sông lớn, phía sau thì có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp. Nhân thế hỏi chuyện người địa phương, họ đều nói rằng gò này rất thiêng. Tục truyền rằng: Xưa có người đêm thấy một bà già áo đỏ quần xanh ngồi trên đỉnh gò nói rằng: “Sẽ có vị chân chúa đến xây chùa ở đây, để tụ khí thiêng, cho bền long mạch”. Nói xong bà già ấy biến mất. Chúa cho là núi ấy có linh khí, mới dựng chùa gọi là chùa Thiên Mục⁽¹⁵⁾.

Vị nữ thần địa phương xuất hiện với nhiệm vụ tuyên ngôn sứ mệnh của dòng họ Nguyễn, được kể niệm bằng một ngôi chùa Phật giáo, chùa Thiên Mục. Ngôi chùa này từ đó đã trở thành nơi thờ Phật của dòng họ Nguyễn. Phật giáo do vậy đã được triều đình chúa Nguyễn lựa chọn và bảo trợ, trở thành tôn giáo chủ lưu, làm công cụ cố kết tinh thần, điểm tựa tâm linh của cộng đồng người Việt di mở cõi trong hai thế kỉ.

DNTLTB chỉ ghi lại hành trạng hai vị nữ thần, một là nữ thần sông nước gắn với một chiến thắng quân sự buổi đầu của Nguyễn Hoàng và một nữ thần đáng đáp Chăm tuyên ngôn sứ mệnh của vị chân chúa họ Nguyễn. Trên thực tế, trong hơn hai trăm năm khai phá Miền Nam, rất nhiều vị thần đã được lưu dân thờ phụng, được các chúa Nguyễn phong tặng mà chính sử không ghi lại nhiều về hành trạng, chỉ gọi chung là thần linh trong cõi.

Có thể kể tới vị nữ thần được thờ phụng lâu đời và phổ biến ở phương Nam, nữ thần Poh Nagar của người Chăm. Nền văn hoá Chăm từ lâu đã chịu những ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ. Nữ thần Poh Nagar có nguồn gốc Ấn Độ, là hoá thân của thần Uma (vợ thần Siva). Sùng bái các nữ thần là một sản phẩm tinh thần tất yếu của nền văn hoá nông nghiệp. Trong sự tiếp biến với văn hoá Ấn, Poh Nagar là một sáng tạo đậm tính dân tộc

của người Chăm. Nữ thần là hiện thân của áng mây, giọt nước do Trời sai xuống tái lập Trái Đất, là Mẹ Xứ sở, tạo ra gỗ thơm và mọi giống lúa, dạy dân làm ruộng...

Sự cộng cư với người Chăm trải từ các triều đại Trần - Hồ - Lê, vị nữ thần này đã được người Việt chấp nhận một cách tự nhiên. Các cơ sở thờ nữ thần tiếp tục được người Việt chiêm bái, khói hương chú không bị bỏ hoang như những ngôi tháp Ấn Độ giáo thờ các thần: Siva, Brahma hay Visnu mà người Chăm đã bỏ lại khi co dân về phương Nam. Với nếp tư duy thiên về ảnh hưởng Tam giáo Trung Hoa, người Việt mới đến luôn kiêng dè các cơ sở thờ tự nam thần gốc Ấn. Nhưng do truyền thống tôn sùng nữ thần Mẹ lâu đời của người Việt, Poh Nagar không chỉ tiếp tục được thờ phụng mà vị trí của nữ thần này ngày càng được củng cố theo dòng Nam tiến.

Cùng với những nữ thần được dân Việt thờ phụng khắp nơi trên nước Đại Việt, Poh Nagar với tên gọi Thánh Mẫu được thờ phụng suốt dải đất Miền Trung: Huế, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, trong đó cơ sở quan trọng nhất và lớn nhất là Tháp Bà ở Nha Trang. Bà nhiều lần được các chúa Nguyễn cầu khẩn, đã linh ứng và được gia phong với danh hiệu Thiên Y Ana Diễn Ngọc Phi. Rõ ràng là trong quá trình tiếp nhận, nữ thần Chăm đã được khoác lên chiếc áo văn hoá Đại Việt.

Một vị nữ thần khác được lưu dân Việt thờ phụng và các chúa Nguyễn rất tín nhiệm là Thai Dương Phu Nhân. Nữ thần nguyên là một phiến đá lớn hình người đàn bà mang thai trên bãi biển làng Thai Dương, Thừa Thiên. Thần tích được xây dựng có nhiều điểm tương tự với sự tích Hòn Vọng Phu của người Việt. Thần đã hiển mộng với một người đánh cá nghèo, dân địa phương lập am thờ phụng và tôn

15. Sđd, tr. 42.

làm Thánh Mẫu đã phù hộ cho họ rất nhiều. Thánh Mẫu còn trừng phạt bằng cách chìm xuống biển những thương nhân Nhật Bản tham lam muốn phá vỡ phiến đá để lấy ngọc. Sự linh ứng của vị nữ thần này được ghi lại như sau:

“Vào thời Chúa Thượng Phúc Lan đóng phủ ở Kim Long, có một lần thuyền tiếp tế gặp cho quân đội ở biên cương, nhưng không gặp gió, phải đậu trong vịnh. Chúa sai một đại thần đến miếu cầu Thánh Mẫu. Túc thì có gió thuận, thuyền căng buồm nhanh chóng đến nơi. Sau này khi quân đội chiến thắng trở về, chúa biết ơn nữ thần, phong sắc: “Thai Dương Linh Ứng Đoan Thục Nhu Thuận Trinh Ý Từ Huệ Ý Đức Cẩn Hạnh Phu Nhân”.

Vào thời Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần có xảy ra hạn hán nhiều tháng liền tại Thừa Thiên. Chúa sai một số đại thần đi khắp nơi để cầu thần núi, thần sông cho mưa xuống. Nhưng đã 10 ngày qua mà vẫn chưa mưa. Chúa giận truyền cho trói bài vị các thần, giam lại, hẹn cho ba ngày không mưa thì đem luộc bài vị và vứt xuống sông. Ngày thứ ba vị quan nhận sứ mạng của chúa được thần Cao Các báo mộng rằng Ngọc Hoàng Thượng Đế đang bất an và bãi châu nên các thần linh không sao châu báo được. Duy có lệnh bà Thai Dương được ra vào tự do Thiên đình. Chúa bèn sai quan đến miếu Thánh Mẫu nhân danh chúa cầu xin. Chỉ trong chốc lát, nước mưa tầm tã đổ xuống. Để tưởng thưởng việc ấy, chúa cho mở đàn cúng tế Thánh Mẫu⁽¹⁶⁾.

Trong cuộc di cư về phương Nam, Miền Trung đất hẹp với những rặng núi ăn ra biển và những dải đồng bằng nhỏ hẹp kém màu mỡ khiến người Việt không thể co về phía đất liền như ở vùng đồng bằng Bắc Bộ mà phải trông ra biển khơi với những đoàn thuyền giao thông biển và nghề đánh cá. Thai Dương Phu Nhân vừa là nữ thần biển, bảo hộ cho người đánh cá, người đi biển lại vừa là nữ thần nông nghiệp, ban cho mưa thuận gió hoà.

Đền Thai Dương Phu Nhân tại cửa biển Thuận An là một trong những cơ sở thờ tự được trùng tu đầu tiên thời vua Gia Long. Sau đó, ngôi đền này được các vua Nguyễn trùng tu nhiều lần. Đó là một trong những vị thần được cầu đảo nhiều nhất thời các chúa Nguyễn và cả dưới thời các vua Nguyễn sau này.

3. Các vị thần linh biển

Ngoài Thai Dương Phu Nhân, còn có thể kể đến một số vị thần biển khác. Cuộc Nam tiến của các chúa Nguyễn gắn với thủy lộ trên biển. Cửa biển Tư Dung (Tư Hiền) là cửa giao thông trọng yếu của vùng Thuận Hoá. Thần cửa biển Tư Dung, vốn là một nhân vật lịch sử triều Lê, Phi Vận tướng quân Nguyễn Phục. Ông đỗ tiến sĩ năm 1453, từng trải qua nhiều chức vụ quan trọng triều Lê. Năm 1470, vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, ông được giao làm Phi Vận tướng quân phụ trách việc vận chuyển quân lương. Đến cửa biển Tư Dung, gặp gió bão, lộ trình nguy hiểm, ông nói: “Thà đem tám thân bé nhỏ chịu hình phạt búa rìu chứ không nỡ đem nông sản hữu hạn mà để chìm xuống biển, đưa bọn người vô tội mà làm mồi cho cá” rồi quyết định neo thuyền lại. Quân lương đến chậm, ông chịu chém đầu theo quân pháp. Về sau nghe rõ ngọn ngành, vua Lê Thánh Tông hối hận, tuyên chiếu tha tội và phục chức, nhưng chiếu đến nơi không kịp. Vua thương tiếc, phong làm phúc thần, tước Đông Hải Đại Vương, được thờ cúng tại vùng Ninh Bình, Nam Định. Khi các chúa Nguyễn cát cứ Đàng Trong, đền thờ thần được dựng tại cửa biển Tư Dung, Đà Nẵng. Suốt dọc theo hai bờ sông lớn ở Huế, các làng xóm nếu không lập miếu thờ riêng thì cũng thờ chung ở đình làng.

Biển, sông là những yếu tố thiên nhiên đặc biệt gắn bó với người Việt trong cuộc

16. “Chuyện Thánh mẫu Thai Dương phu nhân”, trong: *Những người bạn của cố đô Huế*. Tập 1. Nxb Thuận Hoá, 1997, tr.268.

di cư về phương Nam. Các cửa biển trọng yếu đều có thần trấn giữ, hằng năm cúng tế theo định kì. Các đoàn thuyền công vụ của triều đình khi đi biển trở về đều tới khấn cầu, lễ tạ. Hầu hết các địa phương của xứ Đàng Trong đều thờ thủy thần, các vị Long Vương, Hà Bá và đặc biệt là tục thờ Cá Ông (tên hiệu được phong là: Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân) rất phổ biến trong ngư dân. Có những miếu thờ Cá Ông lưu trữ những bộ xương cá voi chết trôi dạt vào bờ được ngư dân kính cẩn làm đám tang và thờ cúng. Người dân tin rằng: Cá voi thường tể độ người bị nạn trong sóng gió, nhưng sự cứu giúp ấy chỉ từ Sông Gianh đến Hà Tiên là thường tỏ rõ, ở các biển khác thì không. Đương nhiên, những vị thần phổ biến trong dân như vậy, các chúa Nguyễn cũng cần phải gia phong. ĐNLTB còn ghi lại hiện tượng cá voi dạt vào bờ biển thời ấy: “Nhâm Thìn (1712), tháng 2, cá voi vào sông Thai Dương. Chúa sai đem lưới to vây lấy, đo mình cá dài hơn 20 thước. Được vài ngày sai cho ra biển”⁽¹⁷⁾.

4. Các vị thần linh của người Hoa

Trong số các thần linh được thờ phụng khắp xứ Đàng Trong còn có những vị thần của người Hoa. Do hoàn cảnh lịch sử, những vị thần này có vai trò không nhỏ trong công cuộc mở đất cùng người Việt.

Người Hoa khi di cư sang nước ta đã mang theo nhiều thần linh, mà tiêu biểu nhất và phổ biến nhất là: Quan Công (Quan Thánh Đế Quân) và Thiên Phi (Thiên Hậu). Trong thời các chúa Nguyễn, tại Kinh đô Phú Xuân đã có hai ngôi đền thờ Thiên Phi và Quan Công ở tả hữu chùa Thiên Mụ. Hai ngôi đền này sau được vua Gia Long cho trùng tu và trở thành cơ sở thờ tự cấp nhà nước, đến đời vua Thiệu Trị mới cho di chuyển đến địa điểm khác. Thiên Phi là nữ thần bảo hộ người đi biển. Quan Thánh Đế Quân (tức Quan Vân Trường), một nhân vật lịch sử thời Tam Quốc, là hình tượng tiêu

biểu của đạo đức Nho giáo trong mắt người Hoa bình dân. Ông đã hiển thánh và trở thành vị thần bảo hộ đầy uy lực. Khắp xứ Đàng Trong, nơi nào có người Hoa là có mặt hai vị thần này.

5. Các vị anh hùng có công với dân tộc

Thờ cúng những vị anh hùng dân tộc là một trong những đặc điểm tín ngưỡng người Việt. Đương nhiên, các chúa đều được chính quyền trấn trọng thờ trong nhà tôn miếu họ Nguyễn. Các vị khai quốc công thần khai phá Miền Nam như Đào Duy Từ (mất năm 1634), Nguyễn Hữu Tiến (mất năm 1665), Nguyễn Hữu Dật (mất năm 1681), Nguyễn Hữu Kính (mất năm 1700),... đều được lập đền thờ cho chính quyền và dân chúng thờ phụng, nhà nước có chế độ chu cấp tự điền, tự dân. Đào Duy Từ có đền thờ ở Quảng Bình, Bình Định. Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật đều có đền thờ ở Quảng Bình. Nguyễn Hữu Dật sau khi chết, dân Quảng Bình nhớ tiếc, lập đền thờ, gọi ông là Bồ tát.

Đặc biệt là việc thờ cúng Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Kính, người có công rất lớn trong việc mở mang đất Nam Bộ. Ngoài ngôi đền Vĩnh Yên tại Quảng Bình quê hương ông, còn có đền thờ ở tất cả những nơi mà ông từng kinh lí qua. Tỉnh Biên Hoà ít nhất có hai nơi thờ. Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, phần tỉnh Biên Hoà viết:

“Đền Lễ công: phía nam cù lao Phố thuộc thôn Bình Hành huyện Phước Chính, thờ Nguyễn Hữu Kính... Đền trông ra sông Phước Giang, lấy đá ngầm làm thủy thành, dưới có cá chép lạ, lớn 6, 7 thước, cứ đêm khuya tĩnh mịch thường hướng vào đền quẩy dưới sóng bơi lội ngược xuôi, như hình múa lạp... Xét: Nguyễn Hữu Kính sau khi chết, người Cao Miên dựng miếu thờ ở đầu bãi Nam Vang, dân chỗ bãi đóng quân dựng đền

17. *Đại Nam ThựcLục Tiên Biên*, Tập I, tr.174.

thờ và đặt tên là bãi Lễ công. Nay thôn Bình Hành tức là chỗ để quan tài khi trước, chỗ nào cũng tỏ anh linh”.

Phần tỉnh An Giang viết:

“Đền Lễ công: thờ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Kính tại thôn Chu Phú huyện Tây Xuyên, do Nguyễn Văn Thụy dựng khi làm trấn thủ, thần thường tỏ anh linh. Lại bãi Cây Sao giữa sông Hậu Giang (gọi là bãi Lễ công, sông Lễ công). Xưa Lễ Thành Hầu đánh Cao Miên, thắng trận trở về đóng quân ở đây, sau khi chết dân địa phương lập đền thờ”.

Sách ĐNLTB viết về cái chết của Lễ Thành Hầu trong khi ông đi kinh lí đất Chân Lạp như sau:

“Canh Thìn (1700)... Tháng 5, Nguyễn Hữu Kính chết. Đầu là Hữu Kính đóng quân ở Lao Đồi, gặp mưa gió lớn, núi Lao Đồi lở tiếng kêu như sấm. Đêm ấy mộng thấy một người mặt đỏ mày trắng, tay cầm cái phủ việt bảo rằng: “Tuống quân nên kíp đem quân về, ở lâu đây không có lợi”. Hữu Kính cười nói rằng: “Mệnh ở trời, có phải ở đất này đâu?” Khi tỉnh dậy, thân thể mỗi mệt, nhưng vẫn cười nói như thường để giữ yên lòng quân. Kịp bệnh nặng, bèn than rằng: “Ta muốn hết sức báo đền ơn nước, nhưng số trời có hạn, sức người làm được gì đâu?” Bèn kéo quân về, đi đến Sầm Khê (thuộc Định Tường) thì chết, bấy giờ 51 tuổi... Về sau linh thiêng lắm, người Chân Lạp lập đền thờ...”⁽¹⁸⁾.

Ngoài những vị thần trên, sử sách còn cho biết từ thời các chúa Nguyễn đã có miếu thờ vua Lê Thánh Tông ở xã Dương Xuân, Huế. Tổ tiên họ Nguyễn là đại thần triều Lê, Nguyễn Kim là người khởi xướng cuộc Trung Hưng. Trong cuộc phân tranh, các chúa Nguyễn đều thuận phục vua Lê trên danh nghĩa, niên hiệu vua Lê được giữ cho đến năm 1802, khi Nguyễn

vương (Gia Long) thống nhất toàn cõi. Chính sách không li khai khỏi Đại Việt của các chúa Nguyễn là đáp ứng tâm thức không dứt khỏi cội nguồn Việt của người ra đi. Lê Thánh Tông là hình tượng đẹp nhất của vương triều Lê được các chúa Nguyễn thờ cúng để giữ niềm tin nơi lưu dân người Việt. Miếu Lê Thánh Tông được vua Gia Long cho trùng tu và thuộc hệ thống đền miếu của triều đình Nguyễn sau này.

Tóm lại, có thể nói, thờ cúng thần linh là một trong những bộ phận quan trọng trong hệ thống lễ nghi của một vương triều Nho giáo (gồm tế Nam Giao, Xã Tắc, Tôn miếu, Khổng Tử, bách thần). Hệ thống thần linh được triều đình thờ phụng luôn thể hiện rõ những sắc thái văn hoá của thời đại, đặc điểm, tiến trình lịch sử vương triều. Hệ thống thần linh thời các chúa Nguyễn Đàng Trong, qua những tư liệu trên đây, phần nào phản ánh công cuộc mở cõi về phương Nam của lưu dân Việt. Có những vị thần đi theo lưu dân Việt từ vùng đất gốc, có những vị thần bản địa Chăm được dân Việt chấp nhận trong quá trình tiếp biến văn hoá, cũng có những vị thần của các dân tộc Chăm, Hoa... đã chung lưng đấu cật với người Việt trong công cuộc mở đất. Những vị thần phục vụ cho các ý đồ chính trị của chúa Nguyễn được vinh danh. Những nhân thần, những nhân vật lịch sử có công lao trong hai thế kỉ rưỡi Nam tiến cũng được dân kính cẩn thờ phụng, chúa Nguyễn trân trọng ban phong. Đặc biệt, với sự phát triển của giao thông biển và nghề đánh cá, việc thờ cúng thần linh biển trở thành một đặc điểm rõ nét trong đời sống tâm linh của lưu dân Việt Đàng Trong thời kì này./.

18. Sđd, tr.155-156.